

Số: 644/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 02 tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế Cộng tác viên kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật
trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 176 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 16 /TTr-STP ngày 16 / 02 / 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Cộng tác viên kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Tư pháp;
- TT: TỰ, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT. /



Đặng Xuân Phong

QUY CHẾ

Cộng tác viên kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lào Cai

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 644/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tiêu chuẩn và quản lý Cộng tác viên kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (sau đây viết tắt là Cộng tác viên), quyền và nghĩa vụ của Cộng tác viên trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cá nhân tham gia vào đội ngũ Cộng tác viên.
2. Các cơ quan, tổ chức có liên quan đến hoạt động của Cộng tác viên.

Điều 3. Cộng tác viên

1. Cộng tác viên là người có kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với lĩnh vực văn bản được kiểm tra do Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng phòng Tư pháp ký hợp đồng cộng tác, hoạt động theo cơ chế khoán việc hoặc hợp đồng có thời hạn.

2. Cộng tác viên bao gồm: Cộng tác viên cấp tỉnh và Cộng tác viên cấp huyện. Cộng tác viên cấp tỉnh chịu sự quản lý, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ và thực hiện công việc theo yêu cầu của Sở Tư pháp. Cộng tác viên cấp huyện chịu sự quản lý, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ và thực hiện công việc theo yêu cầu của Phòng Tư pháp.

Điều 4. Cơ quan sử dụng Cộng tác viên

1. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp được sử dụng Cộng tác viên phục vụ cho công tác tự kiểm tra văn bản và kiểm tra văn bản theo thẩm quyền.

2. Sở Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc lập danh sách và quản lý đội ngũ Cộng tác viên cấp tỉnh.

3. Phòng Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trong việc lập danh sách và quản lý đội ngũ Cộng tác viên cấp huyện.

4. Sở Tư pháp lập và đăng tải công khai danh sách các cá nhân đủ điều kiện là Cộng tác viên để cơ quan, đơn vị có nhu cầu sử dụng Cộng tác viên liên hệ ký hợp đồng.

5. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp có trách nhiệm tổ chức tập huấn nghiệp vụ kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật cho đội ngũ Cộng tác viên; thông tin, cung cấp tài liệu nghiệp vụ liên quan cho Cộng tác viên nghiên cứu, sử dụng.

Điều 5. Mục đích kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (sau đây viết tắt là QPPL) của Cộng tác viên

Cộng tác viên giúp cơ quan có thẩm quyền kiểm tra văn bản QPPL nhằm phát hiện những văn bản có nội dung trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của văn bản để kịp thời kiến nghị các biện pháp xử lý như: đình chỉ việc thi hành, hủy bỏ, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ nội dung trái pháp luật của văn bản hoặc ban hành văn bản mới thay thế để đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của văn bản với hệ thống pháp luật. Đồng thời kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xác định trách nhiệm của cơ quan, người có liên quan trong việc tham mưu, ban hành văn bản có nội dung trái pháp luật.

Chương II

TIÊU CHUẨN VÀ QUẢN LÝ CỘNG TÁC VIÊN

Điều 6. Tiêu chuẩn Cộng tác viên

1. Tốt nghiệp Đại học Luật hoặc Đại học chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực văn bản được kiểm tra.

2. Có thời gian làm công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại Việt Nam từ 02 (hai) năm trở lên; có thời gian cư trú tại tỉnh Lào Cai từ 01 (một) năm trở lên.

3. Trường hợp sử dụng chuyên gia nước ngoài, thì cơ quan sử dụng Cộng tác viên cộng tác đối với những người có chuyên ngành trong lĩnh vực cụ thể, phù hợp với lĩnh vực văn bản được kiểm tra.

4. Có tư cách đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm trong quá trình thực hiện công việc được giao.

5. Có nguyện vọng trở thành Cộng tác viên.

6. Được sự đồng ý của cơ quan, tổ chức nơi đang công tác (đối với công chức, viên chức đương chức).

Điều 7. Công nhận Cộng tác viên

1. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện lựa chọn, lập danh sách công chức, viên chức của đơn vị mình có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 6 Quy chế này gửi cơ quan Tư pháp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định công bố danh sách Cộng tác viên cấp tỉnh, cấp huyện.

2. Quyết định công bố danh sách Cộng tác viên cấp tỉnh được công khai trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Lào Cai, Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp. Quyết định công bố danh sách Cộng tác viên cấp huyện được công khai trên Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp, Trang thông tin điện tử của các huyện, thành phố Lào Cai.

Điều 8. Phạm vi hoạt động của Cộng tác viên

1. Cộng tác viên kiểm tra văn bản tham gia công tác kiểm tra văn bản, xem xét, đánh giá về tính hợp hiến, hợp pháp của văn bản theo các điều kiện quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

2. Tham gia Đoàn kiểm tra hoặc Đoàn kiểm tra liên ngành theo yêu cầu của cơ quan ký hợp đồng cộng tác với Cộng tác viên.

3. Cộng tác viên không được tham gia vào hoạt động kiểm tra văn bản thuộc danh mục bí mật nhà nước dưới bất kỳ hình thức nào.

Điều 9. Môi quan hệ giữa Cộng tác viên và cơ quan sử dụng

1. Cộng tác viên và cơ quan sử dụng Cộng tác viên thiết lập môi quan hệ trên cơ sở hợp đồng cộng tác, thỏa thuận, bình đẳng và tự nguyện giữa hai bên. Khi giao kết hợp đồng, Cộng tác viên kiểm tra văn bản chịu sự quản lý, hướng dẫn nghiệp vụ và thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan kiểm tra văn bản.

2. Cộng tác viên kiểm tra văn bản thực hiện công việc một cách độc lập, khách quan, tuân thủ nguyên tắc kiểm tra văn bản quy định tại Điều 105 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, chịu trách nhiệm cá nhân về nội dung, kết quả kiểm tra do mình thực hiện.

3. Cơ quan sử dụng Cộng tác viên có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin về văn bản được kiểm tra; tạo điều kiện cho Cộng tác viên thực hiện công việc được giao; được sử dụng kết quả công việc của Cộng tác viên theo yêu cầu công việc của mình.

Điều 10. Ký, chấm dứt hợp đồng Cộng tác viên

1. Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng Phòng Tư pháp căn cứ nhu cầu công tác, ký hợp đồng cộng tác, hoạt động theo cơ chế khoán việc hoặc hợp đồng có thời hạn với Cộng tác viên có tên trong danh sách Cộng tác viên được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền công nhận.

Khi thực hiện ký hợp đồng với Cộng tác viên, cơ quan thực hiện việc chi trả thù lao cho Cộng tác viên theo mức chi đã được Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

2. Hợp đồng sử dụng Cộng tác viên được thực hiện theo Mẫu hợp đồng Cộng tác viên kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật kèm theo Quy chế này.

3. Cơ quan sử dụng Cộng tác viên chấm dứt hợp đồng Cộng tác viên trong các trường hợp sau:

- a) Theo yêu cầu của Cộng tác viên;
- b) Cộng tác viên không khách quan, không trung thực trong thực hiện công việc được giao;
- c) Cộng tác viên không đảm bảo thực hiện công việc đúng yêu cầu về thời gian và chất lượng theo hợp đồng hoặc theo yêu cầu;
- d) Lợi dụng danh nghĩa Cộng tác viên để thực hiện các hoạt động khác ngoài công tác kiểm tra văn bản được giao;
- đ) Cộng tác viên vi phạm nghĩa vụ quy định tại hợp đồng cộng tác;
- e) Theo thỏa thuận giữa hai bên.

4. Cơ quan sử dụng và Cộng tác viên có trách nhiệm thanh lý hợp đồng cộng tác sau khi kết thúc công việc và làm các thủ tục thanh quyết toán theo hướng dẫn của Sở Tài chính.

5. Cơ quan sử dụng Cộng tác viên quyết định số lượng Cộng tác viên tùy thuộc vào phạm vi, tính chất, số lượng văn bản cần kiểm tra.

Chương III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỘNG TÁC VIÊN

Điều 11. Quyền của Cộng tác viên

1. Được tham gia tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ công tác kiểm tra văn bản.

2. Được cung cấp tài liệu và các điều kiện cần thiết để phục vụ cho công tác kiểm tra văn bản theo quy định tại hợp đồng cộng tác.

3. Cộng tác viên được hưởng chế độ kinh phí chi cho hoạt động của Cộng tác viên theo quy định của Bộ Tài chính và trên cơ sở hợp đồng với cơ quan sử dụng.

4. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Cộng tác viên có quyền yêu cầu cơ quan sử dụng Cộng tác viên cung cấp đầy đủ thông tin về văn bản được kiểm tra

Điều 12. Nghĩa vụ của Cộng tác viên

1. Tham gia thực hiện kiểm tra văn bản theo đúng thời hạn quy định trong hợp đồng hoặc theo yêu cầu của cơ quan sử dụng Cộng tác viên.

2. Báo cáo tiến độ thực hiện công việc khi được yêu cầu và sau khi kết thúc công việc; cung cấp đầy đủ các hồ sơ, kết quả kiểm tra văn bản bằng tập tin điện tử và bản in cho cơ quan sử dụng Cộng tác viên theo hợp đồng cộng tác.

3. Đảm bảo sự chính xác, khách quan trong công tác kiểm tra văn bản.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về kiểm tra văn bản theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

5. Cộng tác viên có trách nhiệm không cung cấp thông tin về văn bản được kiểm tra, kết quả kiểm tra văn bản cho bất kỳ bên thứ ba nào, trừ trường hợp được cơ quan sử dụng cho phép bằng văn bản hoặc theo quy định của pháp luật.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc Sở Tư pháp chịu trách nhiệm triển khai, đôn đốc, theo dõi và báo cáo kết quả thực hiện Quy chế này.

2. Giám đốc Sở Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn về việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo đảm hoạt động cho Cộng tác viên theo Quyết định số 50/2016/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của UBND tỉnh về mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

3. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và các đơn vị đóng trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm giới thiệu người của đơn vị mình có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này tham gia làm Cộng tác viên; hỗ trợ, tạo điều kiện cho Cộng tác viên thực hiện nhiệm vụ kiểm tra văn bản QPPL theo quy định.

4. Chủ tịch UBND cấp huyện chỉ đạo Trưởng phòng Tư pháp và các bộ phận có liên quan ở địa phương triển khai thực hiện Quy chế này; bảo đảm kinh phí cho hoạt động của Cộng tác viên theo quy định của pháp luật.

5. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh thì các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan có trách nhiệm đề xuất, phản ánh (qua Sở Tư pháp) để tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế và quy định hiện hành của pháp luật. ✓

CHỦ TỊCH



Đặng Xuân Phong

Phụ lục



MẪU HỢP ĐỒNG
CỘNG TÁC VIÊN KIỂM TRA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
(Ban hành kèm theo Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2017
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

CƠ QUAN SỬ DỤNG
CỘNG TÁC VIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /HĐ-CTV , ngày tháng năm

HỢP ĐỒNG CỘNG TÁC VIÊN

Căn cứ Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số.../QĐ-UBND ngày... tháng... năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy chế Cộng tác viên kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Hôm nay, ngày..... tháng
năm..... Tại.....

Chúng tôi, một bên là ông
(bà):.....

Chức vụ:
.....

Đại diện cho:
.....

Địa chỉ:
.....

Và một bên là ông (bà):
.....

Chúng minh nhân dân số: cấp ngày tháng
..... năm.....

Cơ quan cấp:
.....

Nơi làm việc:
.....

Chức vụ, chuyên môn:

Địa chỉ thường trú:

Thỏa thuận kí kết hợp đồng cộng tác và cam kết thực hiện đúng các điều khoản sau đây:

Điều 1. Thời hạn và chế độ làm việc

1. Ông (bà) làm việc theo hợp đồng cộng tác từ ngày tháng năm đến ngày ... tháng năm

2. Cộng tác theo vụ việc hoặc thường xuyên:

3. Thời gian làm việc (số lượng giờ, ngày trong 1 tuần hoặc 1 tháng):

Điều 2. Nội dung công việc:

Điều 3. Chế độ chi cho hoạt động của Cộng tác viên

1. Cộng tác viên được hưởng thù lao theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 50/2016/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của UBND tỉnh Lào Cai về mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Cụ thể:



2. Cộng tác viên được thanh toán công tác phí tham gia đoàn kiểm tra theo chuyên đề, địa bàn hoặc theo ngành, lĩnh vực theo mức:/ngày.

3. Chế độ thù lao và Công tác phí của Cộng tác viên có thể được điều chỉnh theo quy định của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Cộng tác viên

Thực hiện theo quy định của Điều 11, Điều 12 của Quy chế Cộng tác viên kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số.../QĐ-UBND ngày..... tháng..... năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cơ quan sử dụng Cộng tác viên

1. Cơ quan ký hợp đồng với Cộng tác viên có trách nhiệm quản lý, hướng dẫn và tạo điều kiện cho Cộng tác viên thực hiện công việc được giao trong thời hạn giao kết của hợp đồng.

2. Thanh toán đầy đủ chế độ và công tác phí cho Cộng tác viên theo quy định của pháp luật.

3. Được sử dụng kết quả công việc của Cộng tác viên theo yêu cầu của công việc mình.

Điều 6. Điều khoản chung

1. Hợp đồng Cộng tác viên có hiệu lực từ ngày tháng năm

2. Hợp đồng Cộng tác viên được chấm dứt trước thời hạn theo quy định tại Điều 10 Quy chế Cộng tác viên kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

3. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có những thay đổi, bổ sung hoặc đề xuất cần thảo luận thì hai bên sẽ cùng bàn bạc, giải quyết.

4. Hợp đồng này được lập thành 2 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ một bản./.

CỘNG TÁC VIÊN
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
KÝ HỢP ĐỒNG CỘNG TÁC VỚI CỘNG TÁC VIÊN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)